

THỰC TRẠNG HỌC TÍCH CỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y THÁI BÌNH TẠI CÁC BỘ MÔN TIỀN LÂM SÀNG

VŨ THỊ LOAN - Trường Đại học Y Thái Bình
NGUYỄN NGỌC SÁNG - Trường Đại học Y Hải Phòng

TÓM TẮT

Mục tiêu: Khảo sát thực trạng học tích cực của sinh viên tại các Bộ môn tiền lâm sàng Trường Đại học Y Thái Bình. Đối tượng: 403 sinh viên năm thứ 2, 3 và 4.

Phương pháp: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích, sử dụng bộ công cụ nghiên cứu đảm bảo độ tin cậy và độ hiệu lực.

Kết quả và kết luận: Hầu hết sinh viên chưa được trang bị đầy đủ phương pháp học tích cực, trình độ ngoại ngữ còn yếu, và chưa có đủ kỹ năng khai thác tài liệu tại thư viện và trên internet. Đa số sinh viên thiếu kỹ năng hoạt động nhóm, phương pháp dạy của các bộ môn tiền lâm sàng chưa tích cực hóa được người học. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập còn thiếu. Việc kiểm tra đánh giá chưa kích thích được sinh viên chủ động học tập theo hướng tích cực.

Từ khóa: học tích cực, tiền lâm sàng

SUMMARY

Objectives: studying current situation of students' active learning at pre-clinical departments of Thaibinh Medical University.

Subjects: 403 students including 106 second year students, 97 the third year students and 198 fourth year students.

Methods: Cross-sectional study.

Results and conclusions: 73% students have not yet equipped active learning methods adequately. Foreign language's competence of students is weak. Students are not sufficiently able to find documents in library and on internet. Most students lack of team work skills. Learner are not always activated by Teaching methods of pre-clinical department. There are insufficient learning materials. Evaluation methods have not yet activated students to learn actively.

Keywords: active learning, pre-clinical

ĐẶT VẤN ĐỀ

Học tích cực là một trong những phẩm chất vốn có của con người [2,3]. Việc phát huy tính tích cực của người học đã được ngành giáo dục Việt Nam đặt ra từ những năm 1960. Ngày nay, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự thách thức của quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, đòi hỏi người cán bộ y tế phải có đủ khả năng thích ứng, thu nhận và vận dụng linh hoạt sáng tạo tri thức của nhân loại vào điều kiện hoàn cảnh thực tế, đáp ứng yêu cầu xã hội [2].

Tri thức trong ngành Y rất rộng, lượng kiến thức để hành nghề rất lớn và những kiến thức này liên tục thay đổi. Các trường đại học Y-Dược không thể trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức để sử dụng lâu dài. Vì vậy cần chú trọng dạy cho sinh viên biết cách tự học, cách suy nghĩ, ra quyết định, khả năng định hướng và duy trì việc học suốt đời [1,7].

Trong nhiều năm qua, trường Đại học Y Thái Bình đã đạt nhiều thành tựu trong việc nâng cao chất lượng dạy và học. Các giảng viên của trường đã được tập huấn về phương pháp dạy/ học tích cực. Tuy nhiên, việc học tích cực của sinh viên chưa được chú trọng nhiều. Thực trạng học tích cực của sinh viên tại các bộ môn tiền lâm sàng như thế nào? Đến nay, ở nước còn ít công trình nghiên cứu vấn đề này. Vì vậy đề tài này nhằm mục tiêu: *Khảo sát thực trạng học tích cực của sinh viên trường đại học Y Thái Bình tại các Bộ môn tiền lâm sàng năm học 2012-2013.*

Hy vọng với kết quả thu được sẽ góp phần hiểu rõ các cách học, suy nghĩ và nguyện vọng của sinh viên. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị giúp cho quá trình học tập của sinh viên có hiệu quả hơn.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các sinh viên năm thứ 2, 3 và 4. Đây là những sinh viên đang hoặc vừa mới kết thúc học phần tại các bộ môn tiền lâm sàng.

2. Phương pháp nghiên cứu

*Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả có phân tích.

*Cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{D^2} \cdot 1.3$$

Trong đó p: Tỷ lệ ước tính =0,5

D: Khoảng sai số mong muốn (0,05).

α: Mức ý nghĩa thống kê lựa chọn.

Z_{1-α/2}: Giá trị Z thu được từ bảng Z với giá trị α lựa chọn.

1.3: Hệ số.

Từ công thức này tính được cỡ mẫu khoảng 400 sinh viên.

- Cách thức chọn mẫu: mẫu phân tầng bán ngẫu nhiên.

- Bộ công cụ nghiên cứu: sử dụng bộ phiếu hỏi đảm bảo độ tin cậy, bao gồm đa dạng các câu hỏi để khảo sát.

- Xử lý số liệu theo phương pháp thống kê y học, ứng dụng phần mềm mã nguồn mở R 2.8.1.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu bao gồm 403 sinh viên. Trong đó phân bố đối tượng nghiên cứu:

Theo giới tính: có 189 nam và 214 nữ.

Theo khóa học: Y2 (năm thứ 2) có 107 SV, Y3 (năm thứ 3) có 96 SV và Y4 (năm thứ 4) có 198 SV.

- Theo quê quán: miền núi (45 SV), nông thôn (229 SV), thành phố (110 SV).

Bảng 1: Nơi thường trú và phương tiện đi lại của sinh viên:

Nơi ở	Kí túc xá	Thuê nhà	Ở cùng gia đình	Ở cùng người thân
Số SV	95(25%)	227(57,3%)	54 (13,6%)	20 (5,1%)
Phương tiện đi lại	Xe máy	Xe đạp	Xe bus	Phương tiện khác
Số SV	137(46,4%)	227(43%)	30 (10,2%)	1(0,4%)

Nhận xét: Bảng 1 cho thấy phần lớn sinh viên phải thuê nhà ở. Xe đạp và xe máy là phương tiện đi lại chủ yếu của sinh viên.

Bảng 2. Máy tính cá nhân và điện thoại di động của sinh viên:

Phương tiện	Có		Không	
	Số SV	Tỷ lệ %	Số SV	Tỷ lệ %
Máy tính cá nhân	163	40,8	237	59,2
Máy tính cá nhân có nối mạng	122	74,8	41	25,2
Điện thoại di	382	96,2	15	2,8

động				
Điện thoại di động nối internet	183	48	199	52

Nhận xét: Hầu hết sinh viên có điện thoại di động, khoảng 41% sinh viên có máy tính cá nhân.

- Việc làm thêm của sinh viên:

Trong số 397 sinh viên trả lời phiếu điều tra, chỉ có 111(28%) sinh viên làm thêm ngoài giờ học, còn lại đa số sinh viên không làm thêm: 286 (72%).

Bảng 3: Thời gian làm thêm và thời gian tự học của sinh viên:

Số buổi làm thêm/tuần n	1-2 buổi	3-4 buổi	5-6 buổi	>6 buổi
Số SV	84(75,75%)	25(22,5%)	2(1,8%)	0
Thời gian tự học/ngày	Không học	1-2giờ	3-4giờ	>4 giờ
Số SV	3 (0,8%)	156(39,7%)	167(42,5%)	67(17%)

Nhận xét: Đa số SV có đi làm thêm 1-2 buổi/ tuần. Thời gian tự học trung bình 1-4 giờ/ ngày.

Bảng 4: Trình độ ngoại ngữ của sinh viên:

Ngoại ngữ	Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Ngoại ngữ khác	
Số SV	313(80%)	76(19%)	3(1%)	
Trình độ ngoại ngữ	A	B	C	Trình độ khác
Số SV	176(52%)	52(15%)	13(3,9%)	96(28,1%)

Nhận xét: Phần lớn sinh viên học tiếng Anh và trình độ ngoại ngữ ở mức độ thấp.

2. Thực trạng học tập của sinh viên

2.1. Các hoạt động học tập trước khi đến lớp

Bảng 5: Xác định mục tiêu học tập:

Xác định mục tiêu học tập	Số SV	Tỷ lệ %
Học để làm việc, phục vụ cho tương lai nghề nghiệp	327	82
Để lên lớp và tốt nghiệp, còn lại tính sau	41	10
Không có mục tiêu rõ ràng	29	8
Tổng cộng	397	100

Nhận xét: Hầu hết sinh viên đều có mục tiêu học tập vì tương lai nghề nghiệp. Tuy nhiên một số SV chưa có mục tiêu học tập rõ ràng.

Bảng 6: Sử dụng thư viện và internet:

Học tại thư viện/tuần	Không học	1-5 giờ	6-10 giờ	> 10 giờ
Số SV	236(70%)	68(20%)	23(7%)	11(3%)
Học trên internet/tuần n	Không học	1-2 giờ	3-5 giờ	>5giờ
Số SV	93(28%)	145(43%)	46(14%)	62(15%)
Chơi trên internet/tuần n	Không chơi	1-2 giờ	3-5 giờ	>5 giờ

Số SV	118(33%)	91(26%)	48(13%)	28%
-------	----------	---------	---------	-----

Nhận xét: Hầu hết sinh viên không sử dụng thư viện làm nơi học tập tra cứu. Thời gian dành cho việc học trên internet chưa nhiều.

Bảng 7: Nơi sinh viên tìm tài liệu tham khảo:

Nguồn tìm tài liệu tham khảo	Số SV	Tỷ lệ %
Mạng google, yahoo	262	77,5
Ykhoa.net, Thư viện Y học Trung ương	126	37,2
Mạng E-learning của các trường đại học Y	26	7,6
Mạng của Tổ chức Y tế Thế giới	5	1%
Thư viện quốc gia Hoa Kỳ	2	0,5
Nguồn khác	29	8,5
Tổng số	338	100

Nhận xét: google và yahoo là những trang web được sinh viên sử dụng nhiều nhất

Bảng 8: Những khó khăn của sinh viên khi tìm kiếm thông tin trên internet

Khó khăn	Số SV	Tỷ lệ %
Khả năng ngoại ngữ kém	262	72
Kỹ năng truy cập thông tin kém	133	40
Giảng viên chưa hướng dẫn cách tìm thông tin cho chủ đề đang học	117	32
Kỹ năng xử lý thông tin kém	101	27,6
Thông tin trên mạng không được giảng viên công nhận	53	14,5
Khó khăn khác	21	5,7

Nhận xét: Ngoại ngữ yếu là rào cản lớn nhất khi sinh viên tìm thông tin trên internet.

Bảng 9: Các hoạt động của SV trước khi đến lớp

Hoạt động trước khi đến lớp	Nhận định của SV			
	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Bạn được hướng dẫn đầy đủ về phương pháp học tích cực ngay khi vào trường	34%	39%	23%	4%
Bạn được thông báo mục tiêu và nội dung của học phần trước khi học	11%	17%	42%	30%
Bạn được thông báo về hình thức và phương pháp đánh giá trước khi học	13%	28%	44%	15%
Bạn luôn dành đủ thời gian tìm hiểu bài trước khi đến lớp	25%	58%	14%	3%
Bạn có đủ tài liệu (sách, tài liệu phát tay) để nghiên cứu bài trước	24%	36%	32%	8%
Bạn dễ dàng tìm được các tài liệu liên quan bài học tại thư viện và trên mạng	34%	37%	24%	5%

Nhận xét: Hầu hết sinh viên chưa có kiến thức và kỹ năng đầy đủ về các hoạt động cần thiết trước khi đến lớp như: phương pháp học tích cực, việc dành thời gian đọc bài trước khi đến lớp...

2.2. Hoạt động học tập tại lớp, tại bộ môn.

Bảng 10: Hoạt động tại lớp học:

Các hoạt động tại lớp	Nhận định của SV			
	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Bạn luôn được hoạt động theo nhóm sinh viên trong lớp học	38%	32%	23%	7%
Bạn được dạy theo phương pháp nêu vấn đề, kích thích tư duy, sáng tạo	35,6%	45,6%	17%	1,8%
Bạn được hướng dẫn thực hành dưới nhiều hình thức khác nhau	11%	23%	50%	16%
Bạn luôn được thực hành... và tự lượng giá bằng bảng kiểm	11%	29%	46%	14%
Bạn thực sự hứng thú với các hoạt động học tập tại các Bộ môn tiền lâm sàng	12%	41%	43%	4%
Bạn thường xuyên tự thực hành, thực hành theo nhóm để hoàn thiện các kĩ năng học theo cách riêng.	24%	49%	24%	3%

Nhận xét: Phần lớn sinh viên chưa hài lòng về các hoạt động tại lớp như: làm việc nhóm, phương pháp nêu vấn đề, kích thích tư duy, sáng tạo...

Bảng 11: Không khí học tập tích cực của sinh viên

Nhận định của SV	Số SV (n=395)	%
Không khí học sôi nổi	84	21,3
Không khí học ít sôi nổi	244	62
Không khí học buồn tẻ	67	17
Phần lớn sinh viên là chủ động tích cực	37	9
Một nửa sinh viên là chủ động tích cực	179	45
Phần lớn sinh viên là thụ động, hỏi thì nói, ép thì trả lời	180	46

Nhận xét: Đa số sinh viên chưa hài lòng với không khí học tập tại lớp và còn thụ động trong các hoạt động học tập.

Bảng 12: Trang thiết bị học tập tại bộ môn tiền lâm sàng:

Nhận định của SV	Số SV	%
Đầy đủ, đáp ứng được yêu cầu học tập	12	3
Tương đối đầy đủ	227	57
Nghèo nàn, sinh viên thường phải học chay	158	40
Tổng số	397	100

Nhận xét: Trang thiết bị học tập chưa đáp ứng được yêu cầu học tập của sinh viên.

Bảng 13: Các khó khăn khi sinh viên học nhóm

Nhận định của SV	Số SV (n=358)	Tỷ lệ %
Chưa có kỹ năng làm việc nhóm	224	68
Chưa biết cách tổ chức nhóm như thế nào	170	47,5
Nhóm trưởng chưa biết cách điều hành nhóm	93	26
Cơ sở vật chất và thời gian làm việc chưa tốt	176	49
Nhóm quá lớn	66	18

Nhận xét: Hầu hết sinh viên còn thiếu kỹ năng làm việc nhóm.

2.3 Hoạt động kiểm tra đánh giá tại các bộ môn tiền lâm sàng

Bảng 14: Hoạt động kiểm tra, đánh giá:

Các hoạt động kiểm tra đánh giá	Nhận định của SV			
	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Kết quả học tập của bạn được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau	26%	39%	40%	5%
Phương pháp đánh giá khuyến khích phát triển các kỹ năng nghề nghiệp của bạn, kích thích bạn chủ động học tập	19%	38%	34%	9%
Kiểm tra đánh giá hợp lý về thời lượng và nội dung học	18%	39%	37%	6%
Kết quả học tập của bạn tại các Bộ môn tiền lâm sàng được đánh giá chính xác, công bằng	14%	42%	36%	8%
Bạn thực sự hài lòng với phương pháp đánh giá học tập tại BM tiền lâm sàng	20%	50%	26%	4%

Nhận xét: Phần lớn sinh viên chưa thực sự hài lòng với hoạt động kiểm tra đánh giá tại các bộ môn tiền lâm sàng.

BÀN LUẬN

Trong đối tượng nghiên cứu, sinh viên chủ yếu đến từ nông thôn, nơi mà điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, có tới 46% sinh viên có máy tính cá nhân, 96,2% sinh viên có điện thoại di động, và khoảng một nửa số máy tính và điện thoại di động đó có kết nối internet. Như vậy, nếu sinh viên được hướng dẫn cách tổ chức học tập theo nhóm nhỏ (3-5 người) và có đủ kỹ năng khai thác tài liệu trên internet thì có thể phát huy hiệu quả việc học tập tích cực của sinh viên.

Từ bảng 3 cho thấy tiếng Anh là ngoại ngữ phổ biến nhất với tỷ lệ là 80% số sinh viên được khảo sát. Tuy nhiên, hầu hết sinh viên chỉ đạt mức ngoại ngữ cơ bản. Có rất ít sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

chẳng hạn như TOEFL, IELTS, TOEIC... Trình độ ngoại ngữ yếu là trở ngại chính đối với sinh viên trong việc học tập, sử dụng tài liệu trên internet (bảng 8). Thời gian sinh viên sử dụng internet để giải trí nhiều hơn để học. Những trang mạng ưa thích của sinh viên là google và yahoo. Tuy nhiên, những trang mạng này thường chỉ cung cấp kiến thức tổng quát, không chính thống. Chỉ có 0,5-1% sinh viên tìm tài liệu từ trang mạng của Tổ chức Y tế Thế giới hoặc của thư viện quốc gia Hoa Kỳ (Pubmed). Bảng 6 cho thấy 70% sinh viên hàng tuần không học một giờ nào trên thư viện, số sinh viên khai thác thư viện trên 6 giờ/tuần chỉ khoảng 10%. Theo các chuyên gia, muốn học tập chủ động có hiệu quả, sinh viên phải biết cách khai thác tài liệu từ thư viện và internet [2,3,4,5,6,7].

Ở bảng 9 cho thấy khoảng trên 70% sinh viên cho rằng không được trang bị đầy đủ về phương pháp học tích cực khi vào trường. Điều này có nghĩa là sinh viên học ra sao phụ thuộc vào phong cách học vốn có của từng người mà thiếu đi sự định hướng, hỗ trợ cho hoạt động học tập. Một số chuyên gia đã đề nghị mỗi trường cần phải nghiên cứu phong cách học của sinh viên trường mình để từ đó có những sự điều chỉnh, hỗ trợ sinh viên học tập hiệu quả [1,2,3,4,5,6,7].

Làm việc theo nhóm góp phần giúp người học có các kỹ năng tổ chức, điều khiển và lãnh đạo [1,2,5]. Thông qua đó hình thành những phẩm chất mới của người cán bộ y tế. Nghiên cứu này cho thấy 70% sinh viên không thường xuyên làm việc theo nhóm, 68% chưa có kỹ năng làm việc theo nhóm và 47,5% sinh viên chưa biết cách tổ chức nhóm như thế nào. Bảng 10 còn cho thấy 81,2% sinh viên nhận xét rằng phương pháp dạy chưa kích thích tư duy sáng tạo và tích cực hóa được người học. Có tới 79% sinh viên cho rằng không khí lớp học là ít sôi nổi hoặc buồn tẻ, chỉ có 9% nhận định là sinh viên chủ động tích cực với các hoạt động tại lớp (bảng 11). Kết quả này khiến chúng ta phải suy nghĩ nhiều hơn, nghiêm túc hơn về hoạt động dạy-học. Một số trường đã sử dụng phiếu hỏi sinh viên về chất lượng giờ giảng, phiếu hỏi khi kết thúc môn học, phiếu dự giờ... như là những công cụ hữu hiệu vừa gián tiếp, vừa trực tiếp định hướng, đánh giá, khuyến khích hoạt động dạy-học theo hướng tích cực hóa sinh viên, đảm bảo quyền lợi người học.

Một vấn đề quan trọng khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dạy-học là cơ sở vật chất. Chỉ có 3% sinh viên hài lòng với cơ sở vật chất hiện có, trong khi 40% sinh viên cho rằng cơ sở vật chất tại các Bộ môn tiền lâm sàng còn nghèo nàn, sinh viên thường phải học chay.

Trong dạy-học, việc đánh giá người học không chỉ nhằm mục đích nhận định kết quả học tập của sinh viên mà còn để đánh giá và điều chỉnh việc dạy của người thầy [4,7]. Trong đánh giá cần khuyến khích phát triển trí thông minh, sáng tạo để giải quyết các tình huống thực tế. Thông qua việc đánh giá, người học không chỉ được rèn luyện kỹ năng xem xét phân tích vấn đề mà trên cơ sở đó tự điều chỉnh cách học, điều chỉnh hành vi phù hợp. Nếu hoạt động kiểm tra đánh giá không được quan tâm thường xuyên thì sẽ không

kích thích được sinh viên chủ động học tập, không hình thành được phong cách học tích cực.

KẾT LUẬN

Qua khảo sát 403 sinh viên về thực trạng học tích cực tại các bộ môn tiền lâm sàng cho phép chúng tôi có thể rút ra một số kết luận sau:

- Hầu hết sinh viên chưa được trang bị đầy đủ phương pháp học tích cực, trình độ ngoại ngữ còn yếu, và chưa có đủ kỹ năng khai thác tài liệu tại thư viện và trên internet.

- Đa số sinh viên thiếu kỹ năng hoạt động nhóm, phương pháp dạy của các bộ môn tiền lâm sàng chưa tích cực hóa được người học.

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập còn thiếu.

- Việc kiểm tra đánh giá chưa kích thích được sinh viên chủ động học tập theo hướng tích cực.

KHUYẾN NGHỊ

- Cần trang bị phương pháp học tích cực cho sinh viên ngay khi vào trường Y, củng cố phương pháp đó trong quá trình học tại từng bộ môn.

- Đổi mới và nâng cao phương pháp dạy-học ngoại ngữ.

- Cần mở các khoá tập huấn giúp sinh viên có thêm kỹ khai thác tài liệu tại thư viện, trên internet và kỹ năng làm việc nhóm.

- Nhà trường cần tăng cường cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp lượng giá sinh viên.

- Những nghiên cứu hơn nữa là cần thiết để xác định những điểm mạnh/yếu và các nhân tố ảnh hưởng

đến phong cách học của sinh viên ở các đối tượng và môn học khác nhau. Từ đó, đề xuất các biện pháp dạy và học phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thành Nhân (2009): Sinh viên đại học Y- Được thành phố Hồ Chí Minh học tập như thế nào? Y học TP Hồ Chí Minh,13,35-40.

2. Cortright RN., Collins HL.,(2005): Peer instruction enhanced meaningful learning: ability to solve novel problems. Advance in physiology Education, 299(2),107-111.

3. Dori YD.,Belcher J.,(2010): How does technology-enable active learning affect undergraduate student's understanding of electromagnetism concepts? The Journal of the learning science,14(2),243-9.

4. Koh GC.,Khoo HE., Wong ML (2008): The effects of Problem-Based learning during medical school on physician competence: A systematic review. Canada medical Association Journal.178(1),34-41.

5. Neville AJ (2012): Problem-based learning and medical education forty years on: a review of its effects on knowledge and clinical performance. Medical Principles and Practice,18,1-9.

6. Prince M(2009): Does active learning work? A review of research. Journal of Engineering Education, 93(3),223-231.

7. Schmidt HG., Vermeulen (2011): Long-term effects of Problem-based learning. A comparison of competencies acquired by graduate of a problem-based and conventional medical school. Medical Education,40(60),562-567.